

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 3409/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong
hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 3637/TTr-VP ngày 25 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 64 thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2023 (*Phụ lục danh mục và nội dung đính kèm*).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Đối với các nội dung đề xuất giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chủ động triển khai, đôn đốc thực hiện giảm thời gian xử lý hồ sơ trên thực tế nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

2. Đối với các nội dung đề xuất đơn giản hóa, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương: Thường xuyên theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc triển khai thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo nội dung kiến nghị sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực thi các Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Y tế;
- Bộ Công thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Ngoại giao; Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Xây dựng;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



I
Phụ lục I
DANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3409 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
I.	NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH			
AI.	Lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất			
1	1	Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP)	Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ
2	2	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện		
II.	NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH (Theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)			
3	1	Thẩm định dự án đầu tư không có cầu phần xây dựng	Phụ lục II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ
4	2	Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư không có cầu phần xây dựng		
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Theo Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)			
5	3	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm	- Điều 56, Luật Đầu tư công. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	Điều chỉnh trình tự, thời gian thực hiện TTHC nội bộ

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
6	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i>: Xem xét, điều chỉnh Khoản 3, Điều 46, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Điều chỉnh thời hạn giải quyết TTHC nội bộ
7	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i>: Xem xét, điều chỉnh Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Giảm thành phần, số lượng hồ sơ từ 05 bộ còn 04 bộ.
8	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i>: Xem xét, điều chỉnh Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Giảm thành phần, số lượng hồ sơ từ 05 bộ còn 04 bộ.
9	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp	- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.	- <i>Chính phủ</i>: Xem xét, Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Phụ lục II, Nghị định số	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ

III

Stt		Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
			- Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	40/2020/ND-CP ngày 06/4/2020. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	
				- Chính phủ: Xem xét, sửa đổi Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	
10	8	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	- Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023		Giảm thành phần, số lượng hồ sơ từ 05 bộ còn 04 bộ.
11	9	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	- Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023	- Chính phủ: Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ
12	10	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	- Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021 và số 20/2023/ND-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ.	- Chính phủ: Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 114/2021/ND-CP ngày 16/12/2021 và số	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ

IV

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
		- Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i> : Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	
13	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i> : Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i> : Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ
14	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i> : Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i> : Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ
15	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết	- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ</i> : Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
	định thành lập hoặc được giao quản lý		- <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</i> Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	
16	14 Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	- Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ:</i> Xem xét, bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</i> Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC nội bộ
17	15 Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ:</i> Xem xét, điều chỉnh Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</i> Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	Giảm thành phần, số lượng hồ sơ từ 06 bộ bộ còn 04 bộ.
18	16 Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHDT ngày 20/7/2023.	- <i>Chính phủ:</i> Xem xét, điều chỉnh Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020. - <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</i> Xem xét, điều chỉnh Quyết	Điều chỉnh số lượng hồ sơ từ 06 bộ giảm còn 04 bộ.

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
	của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản		định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	
19	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	- Chính phủ: Xem xét, điều chỉnh Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023.	Giảm thành phần, số lượng hồ sơ từ 06 bộ còn 04 bộ.
III. NGÀNH Y TẾ				
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Theo Quyết định số 3096/QĐ-BYT ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế)				
AI. Lĩnh vực Y tế dự phòng				
20	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cửa khẩu	Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ	Bộ Y tế xem xét, tham mưu Chính phủ điều chỉnh Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010.	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH (Theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)				
BI. Lĩnh vực Dược phẩm				
21	Duyệt báo cáo tình hình tồn kho và dự trữ thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế	Bộ Y tế xem xét sửa đổi Khoản 3, Điều 4, Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25/6/2015	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ

Stt	Tên TTHC		Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa		Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
B2						
Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng						
22	3	Đề nghị Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y được cổ truyền	Thông tư số 16/2020/TT-BYT ngày 29/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế	Bộ Y tế xem xét, sửa đổi Khoản 1, Điều 13, Thông tư số 16/2020/TT-BYT ngày 29/10/2020	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ	
IV. NGÀNH CÔNG THƯƠNG						
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN						
A1. Lĩnh vực Quản lý và phát triển chợ						
23	1	Phê duyệt chợ đạt tiêu chuẩn chợ văn hóa	Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 và số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Công thương. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ	
24	2	Phê duyệt Nội quy chợ hạng 01, hạng 02, hạng 03				
V. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH						
A1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo						
25	1	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thực	- Quyết định số 3385/QĐ-BGDDT ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Điều chỉnh tên TTHC nội bộ. - Bãi bỏ căn cứ pháp lý TTHC nội bộ.	
26	2	Chuyển công tác (gồm: giữa các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến các huyện,	- Quyết định 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Chủ	Bãi bỏ thời gian giải quyết TTHC nội bộ.	

VIII

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
	thành phố trong tỉnh; các đơn vị trực thuộc sở chuyên đến ngoài tỉnh)	- Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh	tịch UBND tỉnh.	
27	Tiếp nhận viên chức	- Quyết định 53/2021/QĐ- UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	Bãi Bỏ thời gian giải quyết TTHC nội bộ.
28	Giải quyết phép đổi với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và công chức	- Thông tư số 28/2009/TT- BGDĐT ngày 21/10/2009 và Thông tư 15/2017/TT- BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	Bãi Bỏ thời gian giải quyết TTHC nội bộ.
29	Công chức, viên chức đi nước ngoài	- Quyết định số 50/2021/QĐ- UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	Bãi Bỏ thời gian giải quyết TTHC nội bộ.
30	Giải quyết nghỉ việc	Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	Giảm thời gian giải quyết

IX

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
31	7	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	- Luật cư trú số 68/2020/QH 14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội khóa 14. - Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ. - Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ. - Bổ sung nội dung mẫu đơn đề nghị.
A2.	Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ			
32	8	Xác minh văn bằng, chứng chỉ	- Thông tư số 20/2022/TT-BGDDT ngày 14/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. Bãi bỏ thời gian giải quyết TTHC nội bộ.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN (Theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)				
33	9	Thẩm định thành lập trường tiểu học công lập	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	- Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Chính phủ. Bãi bỏ thành phần hồ sơ TTHC nội bộ

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
34	Thẩm định thành lập trường trung học cơ sở công lập	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	Bãi bỏ thành phần hồ sơ TTHC nội bộ
35	Thẩm định cho phép trường trung học cơ sở công lập hoạt động trở lại	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết
36	Thẩm định việc thành lập Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết
37	Thẩm định thành lập trường mẫu giáo, mầm non	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết
38	Thẩm định Cho phép trường mẫu giáo, mầm non hoạt động	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Giáo dục và Đào tạo. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết
39	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người	Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất điều chỉnh Nghị định 57/2017/NĐ-CP</i> ngày 09/5/2017 của Chính phủ: Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Điều chỉnh tên TTHC nội bộ. - Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ.

Stt		Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
				- Thẩm quyền quyết định điều chỉnh Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ: Chính phủ. - Trách nhiệm rà soát, tham mưu điều chỉnh tên TTHC nội bộ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định điều chỉnh tên TTHC nội bộ: Chủ tịch UBND tỉnh.	
C.		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDDT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)			
40	16	Công nhận tình đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 và Quyết định số 2344/QĐ-BGDDT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bãi bỏ TTHC tại Quyết định số 2180/QĐ-BGDDT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
41	17	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Điều chỉnh phân cấp thẩm quyền giải quyết. - Bổ sung thời gian giải quyết. - Bãi bỏ TTHC trong Bộ TTHC tại Quyết định số
42	18	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Quyết định số 2344/QĐ-BGDDT ngày 14/8/2023 của		

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
		Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phần B, khoản 3, điểm 3.4.		2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
43	Công nhận “ Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”	Quyết định số 2344/QĐ- BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Sửa đổi, bổ sung cách thức giải quyết giải quyết TTHC nội bộ. - Bổ sung thời hạn giải quyết TTHC nội bộ. - Bổ sung thành phần hồ sơ.
44	Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”	Quyết định số 2344/QĐ- BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Sửa đổi, bổ sung cách thức giải quyết giải quyết TTHC nội bộ. - Bổ sung thời hạn giải quyết TTHC nội bộ. - Bổ sung thành phần hồ sơ.
VI.	NGÀNH NGOẠI VỤ			
A.	NHÓM THỦ TỤC LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ			
45	1	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử)	Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của và Văn	Thẩm quyền quyết định: Bộ Ngoại giao xem xét, bãi bỏ 03
				Bãi bỏ TTHC

XIII

Sst	Tên TTHC		Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
		tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	bản số 1994/BNG-VP ngày 02/4/2023 của Bộ Ngoại giao.	TTHC nêu trên tại Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020.	
46	2	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao			
47	3	Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao			
B. NHÓM THỦ TỤC LĨNH VỰC ĐOÀN RA					
48	4	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Ngoại vụ	Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai
49	5	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ	- Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.	- Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	
VII. NGÀNH TƯ PHÁP					
A. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
50	1	Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Khoản 4, Điều 121; Khoản 4, Điều 130, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ
51	2	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và	Điều 157, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm	Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
	Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)		
52	Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp	Khoản 1, Điều 7, của Luật Giám định tư pháp	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất:</i> Bộ Tư pháp. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chính phủ.	- Giám thành phần hồ sơ; - Giám thời gian giải quyết TTHC nội bộ
53	Bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý	Điều 21, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017	Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Tư pháp	- Giám thành phần hồ sơ; - Giám thời gian giải quyết TTHC nội bộ
54	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý	Điều 22, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017	Thẩm quyền xem xét, đề	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ
55	Cấp lại thẻ Trợ giúp viên pháp lý	Điều 23, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017	Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ
VIII.				
A.				
56	Tặng kỷ niệm cương Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh	Quyết định số 1786/QĐ- UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> UBND tỉnh.	- <i>Bổ sung cách thức thực hiện.</i> - <i>Giảm thành phần hồ sơ</i>
B.				
57	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức (thuộc	Quyết định số 1786/QĐ- UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> UBND tỉnh.	Bổ sung Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ.

Sst	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
	thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)			
58 3	Điều động cán bộ, công chức từ UBND cấp xã này đến UBND cấp xã khác giữa các đơn vị hành chính cấp huyện khác nhau	- Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Sửa đổi Căn cứ pháp lý TTHC nội bộ.
59 4	Thẩm định số lượng, tiêu chuẩn, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	- Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ. - Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 14/2013/TT-BYT của Bộ Y tế. - Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	- Sửa đổi Căn cứ pháp lý. - Sửa đổi Thành phần hồ sơ. - Bổ sung Mẫu đơn, tờ khai. - Sửa đổi Đối tượng thực hiện. - Sửa đổi Kết quả thực hiện.
IX. NGÀNH VĂN HÓA – THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
A. Lĩnh vực Văn hóa (Cấp huyện)				
60 1	Tạm ứng và thanh toán công tác phí	- Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu điều chỉnh: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ
61 2	Xin xe đi công tác			

Stt	Tên TTHC	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Thẩm quyền đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đơn giản hóa
		- Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ. - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai		
62	3 Công nhận hương ước, quy ước		- Trách nhiệm rà soát, tham mưu điều chỉnh: Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch. - Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
X.	NGÀNH XÂY DỰNG			
A.	NHÓM THỦ TỤC LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC			
63	1 Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quyết định 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Xây dựng. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Trình tự thực hiện TTHC nội bộ
64	2 Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh			

**Phụ lục II****NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3409 / QĐ-UBND ngày 26 /12/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**1. Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện***a) Nội dung đơn giản hóa*

- Giảm 01 ngày trong thời gian, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến (tổng thời gian của bước này còn 04 ngày).

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 55 ngày công x 212.000 = 11.660.000 đồng/01 hồ sơ (chi phí ngày công thực hiện).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá: 54 ngày công x 212.000 = 11.448.000 đồng (chi phí ngày công thực hiện).

- Chi phí thời gian tiết kiệm: 212.000 đồng (01 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,82%.

2. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện*a) Nội dung đơn giản hóa*

- Giảm 01 ngày trong thời gian, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến (tổng thời gian của bước này còn 04 ngày).

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 55 ngày công x 212.000 = 11.660.000 đồng/01 hồ sơ (chi phí ngày công thực hiện).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá: 54 ngày công x 212.000 = 11.448.000 đồng (chi phí ngày công thực hiện).

- Chi phí thời gian tiết kiệm: 212.000 đồng (01 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,82%.

II. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH (theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

3. Thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

a) Nội dung đề xuất: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do:* Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Phụ lục II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

4. Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng

a) Nội dung đề xuất: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do:* Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Phụ lục II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (theo Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

5. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm

a) *Nội dung đề xuất*: Điều chỉnh trình tự, thời gian thực hiện.

- *Lý do*: Theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5 Điều 56 Luật Đầu tư công:

- Thời gian cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau để gửi báo cáo UBND tỉnh là từ ngày 30/6 đến 20/7 hằng năm.

- Thời gian HĐND tỉnh phải tổ chức họp vào khoảng từ 20/7 đến 25/7 hằng năm để kịp thời thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau làm cơ sở để UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Như vậy, thời gian từ lúc UBND tỉnh trình dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau đến lúc diễn ra kỳ họp HĐND tỉnh là 05 ngày. Khoảng thời gian này không đủ để thực hiện các thủ tục cần thiết chuẩn bị cho kỳ họp, cụ thể: Ban kinh tế ngân sách HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra, trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua, đồng thời phải đảm bảo gửi tài liệu đến đại biểu HĐND tỉnh trước 07 ngày diễn ra kỳ họp (theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương). Đối với nội dung UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công hằng năm theo thời gian quy định nêu trên là không khả thi.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi Điều 56, Luật Đầu tư công cho phép UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công hằng năm thay vì phải báo cáo HĐND tỉnh (tương tự như việc lập dự toán ngân sách hằng năm theo quy định tại Khoản 4 Điều 45 Luật ngân sách nhà nước chỉ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến làm cơ sở gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Tạo điều kiện thuận lợi trong việc tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công đúng thời gian quy định.

6. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

a) *Nội dung đề xuất*: Điều chỉnh thời hạn giải quyết.

- *Lý do*: Tại Khoản 3, Điều 46, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và

địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”. Tuy nhiên để tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm nhằm đảm bảo giải ngân đạt trên 95% kế hoạch; đồng thời có một số dự án điều chỉnh, bổ sung phải thông qua Hội đồng nhân dân các cấp (tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm kế hoạch để triển khai kế hoạch năm sau ngay sau kỳ họp của Quốc hội)

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu báo cáo Chính phủ xem xét việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 46, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ chấp thuận cho địa phương được phép điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương trong năm kế hoạch mà không quy định phải trước 15/11 năm kế hoạch.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc điều chỉnh nội dung *Thời hạn giải quyết*, chấp thuận cho địa phương được phép điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương trong năm kế hoạch mà không quy định phải trước 15/11 năm kế hoạch của thủ tục hành chính nội bộ tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm.

7. Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

a) Nội dung đề xuất: Điều chỉnh số lượng thành phần hồ sơ 05 bộ giảm còn 04 bộ.

- *Lý do:* Nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Khoản 2, Điều 20 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh số lượng thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính thuộc Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu.

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 500 tờ A4/05 bộ hồ sơ = 1.500.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 400 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 1.200.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

8. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

- a) *Nội dung đề xuất:* Điều chỉnh số lượng hồ sơ 05 bộ giảm còn 04 bộ.
- *Lý do:* Nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh số lượng thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính thuộc Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 500 tờ A4/05 bộ hồ sơ = 1.500.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 400 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 1.200.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

9. Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp

a) *Nội dung đề xuất:* Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do:* Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Phụ lục II, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại Thủ tục Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

10. Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản

a) Nội dung đề xuất: Điều chỉnh số lượng hồ sơ 05 bộ giảm còn 04 bộ.

- Lý do: Nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh số lượng thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính thuộc Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 500 tờ A4/05 bộ hồ sơ = 1.500.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 400 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 1.200.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

11. Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

a) Nội dung đề xuất: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của

Chính phủ và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại Thủ tục Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

12. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm

a) *Nội dung đề xuất*: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại Thủ tục Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

13. Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập

a) *Nội dung đề xuất*: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- Lý do: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu, trình Chính phủ xem xét Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại Thủ tục Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

14. Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

a) *Nội dung đề xuất*: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do*: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu, trình Chính phủ xem xét Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại thủ tục Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

15. Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

a) *Nội dung đề xuất*: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do*: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu, trình Chính phủ xem xét Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai thủ tục hành chính tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

16. Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

a) *Nội dung đề xuất*: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong TTHC.

- *Lý do*: Bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu, trình Chính phủ xem xét Bổ sung mẫu đơn, tờ khai tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định mẫu đơn, tờ khai tại Thủ tục Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

17. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản

a) *Nội dung đề xuất*: Điều chỉnh số lượng hồ sơ từ 06 bộ giảm còn 04 bộ.

- *Lý do*: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện số hóa hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định đến các ngành thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc giảm số lượng hồ sơ nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh giảm số lượng thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 300 tờ A4/06 bộ hồ sơ = 900.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 250 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 750.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 150.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 17%.

18. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản

a) *Nội dung đề xuất*: Điều chỉnh số lượng hồ sơ từ 06 bộ giảm còn 04 bộ.

- *Lý do*: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện số hóa hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định đến các ngành thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc giảm số lượng hồ sơ nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh giảm số lượng thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu.

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 300 tờ A4/06 bộ hồ sơ = 900.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 250 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 750.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 150.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 17%.

19. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản

a) *Nội dung đề xuất:* Điều chỉnh số lượng hồ sơ từ 06 bộ giảm còn 04 bộ.

- *Lý do:* Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện số hóa hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định đến các ngành thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc giảm số lượng hồ sơ nhằm cắt giảm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu và giảm hồ sơ lưu trữ tại cơ quan.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ xem xét việc sửa đổi Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh giảm số lượng thành phần hồ sơ thủ tục hành chính tại Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* tiết kiệm chi phí trong việc in ấn hồ sơ, tài liệu

- Chi phí trước khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 (mức chi phí quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính) x 300 tờ A4/06 bộ hồ sơ = 900.000 đồng.

- Chi phí sau khi đơn giản hóa: Chi phí in ấn: 3.000 đồng/tờ A4 x 250 tờ A4/04 bộ hồ sơ = 750.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 150.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 17%.

III. NGÀNH Y TẾ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (theo Quyết định số 3096/QĐ-BYT ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế)

A1. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG

20. Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cửa khẩu

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- Đề nghị Giảm thời gian xem xét, phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế của người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu trong trình tự thực hiện tại Bước 2 từ 01 giờ xuống ngay sau khi nhận được danh sách đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch y tế biên giới.

- *Lý do:* Do tính chất cấp bách của công tác phòng chống dịch bệnh, việc Giảm thời gian phê duyệt danh sách góp phần nhanh chóng thực hiện công tác cách ly, hạn chế lây lan dịch bệnh. Mặt khác, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới có trình độ chuyên

môn y tế nên khi lập danh sách các đối tượng bị áp dụng biện pháp cách ly y tế đã thực hiện theo đúng các quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, tham mưu Chính phủ sửa đổi Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch như sau: “*Ngay sau khi nhận được đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu phải phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế*”.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết, góp phần nhanh chóng thực hiện công tác cách ly, hạn chế lây lan dịch bệnh.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH (theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

B1. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM

21. Duyệt báo cáo tình hình tồn kho và dự trữ thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống còn 13 ngày.
- *Lý do:* Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sớm được phân phối thuốc Methadone.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét sửa đổi Khoản 3, Điều 4, Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quản lý thuốc Methadone như sau: “*Trước ngày 13 của tháng lập dự trữ, Sở Y tế phải hoàn thành:*”

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày x 287.000 đồng = 4.305.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày x 287.000 đồng = 3.731.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%.

B2. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

22. Đề nghị Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 70 ngày xuống còn 60 ngày.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, kịp thời xét tặng giải thưởng cho các cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét sửa đổi Khoản 1, Điều 13, Thông tư số 16/2020/TT-BYT ngày 29/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền như sau:

“Thời hạn để các cá nhân nộp hồ sơ về đơn vị trực tiếp quản lý (sau đây viết tắt là đơn vị) trước ngày 01/10 các năm chẵn”.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 70 ngày x 287.000 đồng = 20.090.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.870.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,29%.

IV. NGÀNH CÔNG THƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

23. Phê duyệt chợ đạt tiêu chuẩn chợ văn hóa

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết: Từ 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 19 ngày.

- Lý do:

+ Theo trình tự thời hạn của cơ quan thẩm định từ 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống 19 ngày Giảm thời gian xử lý để tạo điều kiện cho Tổ chức quản lý chợ sớm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội quy chợ, giảm số ngày công chờ đợi. Trên địa bàn tỉnh, các chợ có chu trình công nhận lại là 03 năm/lần, do đó nhu cầu thực hiện thủ tục không nhiều, lượng hồ sơ phát sinh thấp nên khi tiếp nhận hồ sơ sẽ tập trung thời gian thẩm định.

+ Giảm thời gian thực hiện thủ tục của tổ chức, cá nhân, nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình.

b) Kiến nghị thực thi:

- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Công thương.

+ Rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ và sửa thời gian giải quyết từ “ngày làm việc” thành “ngày” quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Trên cơ sở kết quả sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Công thương có trách nhiệm xây dựng Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ và sửa thời gian giải quyết từ “ngày làm việc” thành “ngày” tại Điểm d (thời gian giải quyết), Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định*: Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Công thương, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ theo thẩm quyền quy định.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22 ngày công x 100.000 đồng = 2.200.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày công x 100.000 đồng = 1.900.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.200.000 đồng/hồ sơ - 1.900.000 đồng/hồ sơ = 300.000 đồng/hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,6%.

24. Nhóm thủ tục: Phê duyệt Nội quy chợ hạng 01, hạng 02, hạng 03

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ xuống còn 15 ngày làm việc.

- *Lý do*:

+ Theo trình tự thời hạn của *cơ quan thẩm định* từ 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống 15 ngày làm việc Giảm thời gian xử lý để tạo điều kiện cho Tổ chức quản lý chợ sớm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội quy chợ, giảm số ngày công chờ đợi.

+ Tại Điểm d, Khoản 5, Điều 26 tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND quy định “Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định lập hồ sơ trình UBND tỉnh/cấp huyện phê duyệt nội quy chợ. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định có văn bản yêu cầu Tổ chức quản lý chợ nộp bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của cơ quan thẩm định, UBND tỉnh/cấp huyện phê duyệt nội quy chợ. Trường hợp từ chối phê duyệt, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ”.

Sửa đổi thời hạn thẩm định (20 ngày) và phê duyệt nội quy chợ theo quy định tại dòng đầu tiên của Điểm d, Khoản 5, Điều 26 tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.

b) Kiến nghị thực thi

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Công thương.

+ Rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ và sửa thời gian giải quyết từ “ngày làm việc” thành “ngày” quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Trên cơ sở kết quả sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Công thương có trách nhiệm xây dựng Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ và sửa thời gian giải quyết từ “ngày làm việc” thành “ngày” tại Điểm d (thời gian giải quyết), Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Công thương, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ theo thẩm quyền.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000 đồng = 5.000.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000 đồng = 3.750.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 5.000.000 đồng - 3.750.000 đồng = 1.250.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

V. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

A1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

25. Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực

a) Nội dung đơn giản hóa

- Điều chỉnh tên thủ tục hành chính nội bộ thành: “*Thẩm định đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thực*”.

- Bãi Bỏ căn cứ pháp lý thủ tục hành chính nội bộ: Quyết định số 3385/QĐ-BGDĐT ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

- Lý do: Quyết định số 3385/QĐ-BGDĐT ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố thủ tục hành chính được thay thế, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung thay thế.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh tên thủ tục hành chính nội bộ và bãi Bỏ căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh tên và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- *Lộ trình thực hiện:* Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Quy định rõ ràng tên thủ tục hành chính nội bộ, phân biệt, tránh trùng lặp, hiểu nhầm với TTHC thông thường.

- Bãi bỏ các căn cứ pháp lý phù hợp với quy định mới đã được sửa đổi, bổ sung.

26. Chuyển công tác (gồm: giữa các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến các huyện, thành phố trong tỉnh; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến ngoài tỉnh)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi Bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.

- Lý do: Quy Theo Quyết định 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không quy định thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất bỏ thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.429.600 đồng/hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.315.280 đồng/hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 114.320 đồng/hồ sơ

- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 30 hồ sơ): 3.429.600đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

27. Tiếp nhận viên chức

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- Bãi Bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.

- *Lý do:* Theo Quyết định 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không quy định thời gian giải quyết.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất bỏ thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.429.600 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.223.824 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 205.776 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 60 hồ sơ): 3.429.600đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

28. Giải quyết phép đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và công chức

a) Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Bãi Bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.
- Lý do: Theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông và Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT sửa đổi quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông kèm theo Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT không quy định thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất bỏ thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- Thẩm quyền quyết định: Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.000.000 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 999.960 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 40.000 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 15 hồ sơ): 1.000.000đ

29. Công chức, viên chức đi nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Bãi Bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.

- *Lý do:* Theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy chế quản lý việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai không quy định thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất bỏ thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.252.416 đồng/hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 177.184 đồng/hồ sơ

- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 25 hồ sơ): 4.429.600 đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

30. Giải quyết nghỉ việc

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Nội dung:* Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

- *Lý do:* Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định của thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.000.000 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 800.000 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 200.000 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 05 hồ sơ): 1.000.000đ

31. Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định thành phần hồ sơ, bổ sung nội dung mẫu đơn đề nghị hỗ trợ: Sổ hộ khẩu thay thế bằng tra cứu số định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục nên trong mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu số 02) bổ sung thêm nội dung số CCCD.

- *Lý do:* Theo quy định tại Luật cư trú số 68/2020/QH 14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội khóa 14, hiệu lực từ ngày 01/7/2021 thì từ 01/01/2023 sổ hộ khẩu, sổ tạm trú không còn.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo:* Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, tham mưu Chính phủ xem xét, bổ sung nội dung số CCCD vào Mẫu đơn số 2 tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu cấp tỉnh:* Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024-2025.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 695.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 265.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 430.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,8 %.

A2. Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ

32. Xác minh văn bằng, chứng chỉ

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.
- Lý do: Theo thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 14/02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện việc cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ và xác nhận các giấy tờ khác trong lĩnh vực giáo dục và Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân không quy định thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất bỏ thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- Thẩm quyền quyết định: Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.107.400 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 885.920 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 221.480 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 100 hồ sơ): 22.148.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B. CẤP HUYỆN

B1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

33. Thẩm định thành lập trường tiểu học công lập

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Lý do: Theo thủ tục hành chính quy định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là ủy ban nhân dân cấp xã nên ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị thành lập trường đã được thông qua các ban, ngành, tổ chức đoàn thể thuộc ủy ban nhân dân cấp xã do đó không cần ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Bãi bỏ báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Lý do: Đã có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập nên không cần phải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ bãi bỏ Điểm d, đ, Khoản 2, Điều 16 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024- 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm quy định hành chính về thành phần hồ sơ, giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ.

34. Thẩm định thành lập trường trung học cơ sở công lập

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thẩm định hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nếu đủ điều kiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế điều kiện thành lập trường trung học; nếu đủ điều kiện thì có ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường đến người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này; nếu chưa đủ điều kiện thì có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường nêu rõ lý do).

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Lý do:* Theo thủ tục hành chính quy định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là ủy ban nhân dân cấp xã nên ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị thành lập trường đã được thông qua các ban, ngành, tổ chức đoàn thể thuộc ủy ban nhân dân cấp xã do đó không cần ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Bãi bỏ báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Lý do: Đã có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập nên không cần phải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ bãi bỏ Điểm d, đ, Khoản 2, Điều 26 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ và điều chỉnh “Điểm b, Khoản 3 (Trình tự thực hiện) Điều 26” thuộc Khoản 14, Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm quy định hành chính về thành phần hồ sơ, giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính nội bộ.

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình (**Thu nhập bình quân 01 ngày: 287.000 đồng**)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.870.000đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.496.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 5.374.000đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

35. Thẩm định cho phép trường trung học cơ sở công lập hoạt động trở lại

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm thời gian thẩm định từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, (người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế điều kiện hoạt động giáo dục của trường trung học; nếu đủ điều kiện thì ra quyết định cho phép hoạt động giáo dục. Nếu chưa quyết định cho phép hoạt động giáo dục thì có văn bản thông báo cho trường nêu rõ lý do và hướng giải quyết.)

- Lý do: Giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ điều chỉnh “Điểm c, Mục 3 (Trình tự thực hiện) Điều 28”, thuộc Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình (**Thu nhập bình quân 01 ngày: 287.000 đồng**)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.740.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.305.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 1.435.000đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

36. Thẩm định việc thành lập Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm thời gian thẩm định từ 10 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định các điều kiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định).

- Lý do: Giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm b, Khoản 3 (Trình tự thực hiện) tại Điều 43, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình (**Thu nhập bình quân 01 ngày: 287.000 đồng**)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.870.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.296.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 574.000đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

37. Thẩm định thành lập trường mẫu giáo, mầm non

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thẩm định hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan có ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)

- Lý do: Giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức

b) Kiến nghị thực thi :

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ điều chỉnh “Điểm b, Khoản 3 (Trình tự thực hiện), Điều 4” thuộc Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình (**Thu nhập bình quân 01 ngày: 287.000 đồng**)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.740.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.305.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 1.435.000đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

38. Thẩm định Cho phép trường mẫu giáo, mầm non hoạt động

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thẩm định hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch thẩm định thực tế. (Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tổ chức thẩm định thực tế.)

- Lý do: Giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ điều chỉnh “Điểm c, Khoản 3 (Trình tự thực hiện), Điều 6” thuộc Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình (**Thu nhập bình quân 01 ngày: 287.000 đồng**)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.870.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.009.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 861.000đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

39. Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Điều chỉnh tên thủ tục hành chính nội bộ thành: “Thẩm định hồ sơ Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người”

- Giảm thời gian 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn hết hạn nhận đơn, (các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức xem xét đơn đề nghị hỗ trợ học tập, lập và phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, niêm yết công khai danh sách đối tượng được hưởng, gửi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và thực hiện việc chi trả.

- Lý do: Điều chỉnh tên thủ tục hành chính nội bộ phù hợp với quy định, giảm chi phí và thời gian thẩm định hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi :

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét rà soát, tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm 4, Khoản a, Mục 1, Điều 5 của Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất điều chỉnh tên

thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh tên và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền theo quy định.

- *Lộ trình thực hiện:* Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Quy định rõ ràng tên thủ tục hành chính nội bộ, phân biệt, tránh trùng lặp, hiểu nhầm với TTHC thông thường.

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định của tổ chức, cá nhân: Giảm thời gian 02 ngày làm việc, tiết kiệm 574.000 đồng đối với 01 hồ sơ.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

40. Công nhận tỉnh đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC tại Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo

- *Lý do:* Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ TTHC tại đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện TTHC nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Lộ trình thực hiện:* Năm 2024.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

41. Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC tại

Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo

- *Lý do:* Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ TTHC tại đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện TTHC nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

42. Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Điều chỉnh phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết (Bổ sung thời hạn giải quyết: 30 ngày).

- *Lý do:*

- Thực hiện thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết theo Khoản 2, mục B, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì Thủ tục này phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp

huyện về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Theo nội dung thực hiện TTHC không có quy định thời hạn giải quyết, quá trình thực hiện thủ tục hành chính không có thời gian hoàn thành; do đó, có thể sẽ dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ TTHC nêu trên đã được ban hành tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thực hiện TTHC nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bổ sung thời hạn giải quyết: Sửa đổi, bổ sung thời hạn giải quyết thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phần B, khoản 3, điểm 3.4.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

43. Công nhận “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Sửa đổi, bổ sung cách thức giải quyết.

Lý do: Cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC nội bộ có nhiều hình thức lựa chọn trong nộp hồ sơ thực hiện TTHC nội bộ.

- Bổ sung thời hạn giải quyết

Lý do: Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thời gian giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Quy định rõ ràng về thành phần hồ sơ làm cơ sở để Bộ Giáo dục và Đào tạo không xem xét, công nhận Cờ thi đua của Bộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phần B, Mục 4, Điểm 4.2; 4.3; 4.4 của thủ tục hành chính nội bộ nêu trên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thời gian giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thành phần hồ sơ giải quyết TTHC nội bộ và Bộ Giáo dục và Đào tạo có cơ sở để công nhận Cờ thi đua cho các cơ quan, đơn vị.

44. Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo"

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Sửa đổi, bổ sung cách thức giải quyết giải quyết TTHC nội bộ.

Lý do: Quy định đa dạng hình thức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ để cá nhân, tổ chức có nhiều hình thức lựa chọn nộp hồ sơ.

- Bổ sung thời hạn giải quyết

Lý do: Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thời gian giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Quy định rõ thành phần hồ sơ để Bộ Giáo dục và Đào tạo có cơ sở để xem xét, quyết định.

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phần B, Mục 5, điểm 5.2; 5.3; 5.4 của thủ tục hành chính nội bộ nêu trên.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Quy định đa dạng hơn về hình thức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi nộp hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thời gian giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Quy định rõ ràng, công khai, minh bạch về thành phần hồ sơ giải quyết TTHC nội bộ và Bộ Giáo dục và Đào tạo có cơ sở để tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho cá nhân, tổ chức được đề nghị.

VI. NGÀNH NGOẠI VỤ

A. LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ

* **Nhóm thủ tục:**

45. Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao

46. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao

47. Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất bãi bỏ 03 thủ tục hành chính (TTHC) nêu trên ra khỏi Bộ thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thực hiện TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao.

- Lý do:

+ Ngày 02/4/2023, Bộ Ngoại giao có Văn bản số 1994/BNG-VP về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao, trong đó có 03 thủ tục hành chính nêu trên.

+ Trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên trang một cửa điện tử của tỉnh: <https://motcua.dongnai.gov.vn>, nhận thấy người dân không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định nhưng thường xuyên thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính: (1) *Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao*; (2) *Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao* tại trang: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Ngoại giao bãi bỏ 03 TTHC nêu trên ra khỏi Bộ thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao công bố các thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao và thực hiện TTHC nội bộ theo văn bản số 1994/BNG-VP ngày 02/4/2023 của Bộ Ngoại giao.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giúp cho người dân không bị nhầm lẫn về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (do Bộ Ngoại giao cấp) với hộ chiếu phổ thông (do Bộ Công an cấp) khi thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính.

- Người dân không nộp nhầm hồ sơ trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính gây mất thời gian, gồm: (1) *Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao*; (2) *Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao*.

B. LĨNH VỰC ĐOÀN RA

*** Nhóm thủ tục:**

48. Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh

49. Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Sửa đổi biểu Mẫu số 02 (Đơn xin đi nước ngoài) về việc riêng của các thủ tục hành chính Lĩnh vực Đoàn ra: Số 27 (trang 92), số 29 (trang 103) tại phần III thuộc Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Lý do:* Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Ngoại vụ có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, xây dựng nội dung và có Tờ trình tham mưu đề xuất sửa đổi biểu Mẫu số 02 Đơn xin đi nước ngoài về việc riêng của các thủ tục hành chính thuộc Lĩnh vực Đoàn ra: số 27 (trang 92), số 29 (trang 103) tại phần III. Sở Ngoại vụ tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Ngoại vụ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh nội dung thủ tục hành chính nội bộ tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 thuộc thẩm quyền theo quy định.

- *Lộ trình thực hiện:* Năm 2024.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Cán bộ, công chức, viên chức cung cấp thông tin chính xác, tránh mất thời gian cung cấp thông tin cho cán bộ đầu mối xử lý, giải quyết hồ sơ.

- Công chức phụ trách xử lý hồ sơ có đầy đủ thông tin để giải quyết hồ sơ TTHC nội bộ nhanh chóng, chính xác, giảm chi phí, thời gian trao đổi thông tin liên lạc; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh đi nước ngoài đảm bảo lịch trình đã đăng ký theo quy định.

VII. NGÀNH TƯ PHÁP

A. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

50. Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm thời gian thẩm định dự thảo văn bản tại Sở Tư pháp từ 15 ngày còn 14 ngày.

- *Lý do:* Giảm thời gian thực hiện thẩm định tại Sở Tư pháp trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho quy định pháp luật sớm được ban hành, áp dụng thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất sửa đổi Khoản 4, Điều 121; Khoản 4, Điều 130, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000 = 3.750.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày công x 250.000 = 3.500.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

51. Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thực hiện đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật từ 15 ngày còn 13 ngày.

- Lý do: Sớm công bố, công khai quy định pháp luật góp phần giúp cho người dân sớm tiếp cận, nắm bắt được các quy định pháp luật, nhất là các quy định về chính sách.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất sửa đổi Điều 157, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000 = 3.750.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày công x 250.000 = 3.250.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%.

52. Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ đối với trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công

chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng.

- *Giảm thời gian giải quyết:* Sở Tư pháp chỉ đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Luật Giám định tư pháp và tiếp nhận hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp, vì vậy, chỉ đề nghị Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tại UBND tỉnh từ 20 ngày xuống còn 16 ngày.

- *Lý do:* Đối với công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng là cá nhân đang làm việc tại các cơ quan nhà nước vì vậy việc yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp đối với các trường hợp này là không cần thiết. Giảm thời gian giải quyết tại Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân trên trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất Bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ đối với trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000 = 5.000.000đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16 ngày công x 250.000 = 4.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000đ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

53. Bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe.

- *Giảm thời gian giải quyết:* Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tại Sở Tư pháp từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc và Ủy ban nhân dân tỉnh từ 15 ngày còn 12 ngày.

- *Lý do:* Người được bổ nhiệm và cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý là viên chức đang làm việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý vì vậy việc nộp thêm giấy chứng nhận sức khỏe là không cần thiết. Giảm thời gian giải quyết tại Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức trong công tác cán bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất sửa đổi Điều 21, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000 = 5.000.000đ, trong đó:

+ Đối với Sở Tư pháp: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

+ Đối với UBND tỉnh: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16 ngày công x 250.000 = 4.000.000đ, trong đó:

+ Đối với Sở Tư pháp: 04 ngày công x 250.000đ = 1.000.000đ.

+ Đối với UBND tỉnh: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000đ (04 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

54. Miễn nhiệm và thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tại Ủy ban nhân dân tỉnh từ 15 ngày xuống còn 12 ngày làm việc

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, hạn chế thời gian công tác trợ giúp pháp lý đối với trợ giúp viên pháp lý bị đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất sửa đổi Điều 22, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

55. Cấp lại thẻ Trợ giúp viên pháp lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ:

+ Thời gian giải quyết hồ sơ tại Sở Tư pháp từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

+ Thời gian giải quyết hồ sơ tại Ủy ban nhân dân tỉnh từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho trợ giúp viên pháp lý trong thi hành nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát tham mưu, trình Chính phủ xem xét, đề xuất sửa đổi Điều 23, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 – 2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày công x 250.000đ = 2.000.000đ, trong đó:

+ Đối với Sở Tư pháp: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ.

+ Đối với UBND tỉnh: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 06 ngày công x 250.000đ = 1.500.000đ, trong đó:

+ Đối với Sở Tư pháp: 02 ngày công x 250.000đ = 500.000đ.

+ Đối với UBND tỉnh: 04 ngày công x 250.000đ = 1.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

VIII. NGÀNH NỘI VỤ

A. LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG (CẤP TỈNH)

56. Tặng kỷ niệm cương Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cách thức thực hiện: Bổ sung quy định cụ thể hình thức nộp hồ sơ bao gồm: Nộp trực tiếp, trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích (khuyến khích thực hiện trực tuyến) để thuận tiện cho đối tượng thực hiện và giải quyết TTHC.

Lý do: Hiện nay, các TTHC nội bộ đã được tích hợp hoàn chỉnh trên trực liên thông trao đổi văn bản điện tử của các địa phương đã được đưa vào sử dụng hiệu quả, do đó cần bổ sung các hình thức nộp hồ sơ (nhất là nộp hồ sơ trực tuyến) để thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện TTHC và hướng đến mục tiêu chuyển đổi số.

- Thành phần hồ sơ: Cắt giảm số lượng Tờ trình (2 bản), Biên bản (2 bản), Báo cáo thành tích (8 bản) còn 01 bản cho mỗi thành phần nêu trên.

Lý do:

+ Trường hợp đối tượng thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, các cơ quan giải quyết TTHC có thể chia sẻ dữ liệu hồ sơ với nhau qua các nền tảng quản lý văn bản điện tử.

+ Trường hợp đối tượng thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, các cơ quan giải quyết có thể số hóa thành phần hồ sơ và thực hiện trao đổi, giải quyết thông qua môi trường mạng.

Vì vậy không cần thiết phải cung cấp số lượng thành phần hồ sơ hơn 01 bản.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Mục b, c thủ tục hành chính nội bộ nêu trên (thuộc trang 48, phụ lục kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh) đảm bảo quy định hiện hành.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi bổ sung thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.064.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.596.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 468.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,67%.

B. LĨNH VỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CẤP HUYỆN)

57. Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:* Bổ sung quy định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ (cán bộ, công chức, viên chức đề nghị nâng lương trước hạn) không cần nộp bản sao Quyết định lương hiện hưởng.

Lý do: Trong yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, đã bắt buộc phải cập nhật dữ liệu quyết định lương hiện hưởng lên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; từ đó, các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu thông tin nâng lương của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính, không nhất thiết phải nộp bản sao quyết định nâng lương hiện hưởng.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Mục c thủ tục hành chính nội bộ nêu trên (thuộc trang 38, phụ lục kèm theo

Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh) đảm bảo quy định hiện hành.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm (lướt đi nộp hồ sơ, lướt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.450.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.050.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

58. Điều động cán bộ, công chức từ UBND cấp xã này đến UBND cấp xã khác giữa các đơn vị hành chính cấp huyện khác nhau

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- *Căn cứ pháp lý:* Thay thế căn cứ Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ thành căn cứ Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

- Lý do: Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/8/2023 thay thế cho Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Mục k (căn cứ pháp lý) thủ tục hành chính nội bộ nêu trên (thuộc trang 44, phụ lục kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh) đảm bảo quy định hiện hành.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

59. Thẩm định số lượng, tiêu chuẩn, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:* Thay thế căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 22/4/2019 của Chính phủ thành căn cứ Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

Lý do: Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/8/2023 thay thế cho Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- *Thành phần hồ sơ:* Điều chỉnh tăng thời hạn giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp từ 30 ngày thành 12 tháng.

Lý do: Tại Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 14/2013/TT-BYT quy định giấy khám sức khỏe có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký kết luận sức khỏe.

- *Mẫu đơn, tờ khai:* Bổ sung mẫu đơn, tờ khai trong kèm theo thủ tục hành chính nội bộ.

Lý do: Thành phần hồ sơ thủ tục hành chính có yêu cầu đơn đăng ký dự tuyển nhưng tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và các văn bản có liên quan chưa quy định, cung cấp mẫu đơn, tờ khai.

- *Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ:* Sửa đổi đối tượng thực hiện tại mục e Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh: Từ “Đủ 10 tuổi trở lên” thành “Đủ 18 tuổi trở lên”.

Lý do: theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Kết quả thực hiện TTHC nội bộ:* Sửa đổi kết quả thực hiện TTHC tại Mục g, Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh: Từ “*Quyết định tuyển dụng và bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã*” thành “*Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã*”.

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Căn cứ pháp lý (Mục k), Thành phần hồ sơ (Mục c), Đối tượng thực hiện (Mục e) và Kết quả thực hiện (Mục g) của thủ tục hành chính nội bộ nêu trên (thuộc trang 45, 46 phụ lục kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh) đảm bảo quy định hiện hành.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính nội bộ nêu trên

tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh theo quy định.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.850.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.350.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,65%.

IX. NGÀNH VĂN HÓA – THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

60. Tạm ứng và thanh toán công tác phí

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ từ 15 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

- Lý do: tiết kiệm chi phí và nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBCC trong quá trình thực hiện thủ tục, đảm bảo đúng thời gian để xử lý và giải quyết công việc, tránh trường hợp để chứng từ quá lâu dẫn đến thất lạc.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch.

+ Rà soát, sửa đổi giảm thời gian giải quyết trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đầu năm (thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức).

+ Xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi giảm thời gian giải quyết tại Mục d, thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi giảm thời gian giải quyết tại Mục d, thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc x 212.000 đồng (thu nhập bình quân người/ngày/năm 2022)¹ = 3.180.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc x 212.000 đồng (thu nhập bình quân người/ngày/năm 2022) = 2.544.000 đồng.

¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2022 theo giá hiện hành đạt 4,67 triệu đồng (theo Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022 của Tổng cục Thống kê trên trang Thông tin điện tử: <http://www.gso.gov.vn>).

- Chi phí tiết kiệm: $3.180.000 - 2.544.000 = 636.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

61. Xin xe đi công tác

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ từ 15 ngày xuống 12 ngày.

- Lý do: Tiết kiệm chi phí và nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBCC trong quá trình thực hiện thủ tục, đảm bảo đúng thời gian để xử lý và giải quyết công việc, tránh trường hợp để chứng từ quá lâu dẫn đến thất lạc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đầu năm (thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức)

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch.

+ Rà soát, sửa đổi giảm thời gian giải quyết trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đầu năm (thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức) tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi giảm thời gian giải quyết tại Mục d, thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi giảm thời gian giải quyết tại Mục d, thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Lộ trình thực hiện:* Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày x 212.000 đồng (thu nhập bình quân người/ngày/năm 2022) = 3.180.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày x 212.000 đồng (thu nhập bình quân người/ngày/năm 2022) = 2.544.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: $3.180.000 - 2.544.000 = 636.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B. LĨNH VỰC VĂN HÓA (CẤP HUYỆN)

62. Công nhận hương ước, quy ước

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên.

- *Lý do:* Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước, hết hiệu lực kể từ ngày 16/8/2023 do Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. Theo đó, thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước là do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận (theo Khoản 1, Điều 11, Chương II của Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày

16/8/2023 của Chính phủ). Do đó, thủ tục này không còn thuộc quyền công nhận của UBND cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch.

+ Rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- *Lộ trình thực hiện:* Năm 2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ nêu trên và triển khai phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước (thực hiện quy định theo Khoản 1, Điều 11, Chương II của Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ).

X. NGÀNH XÂY DỰNG

A. NHÓM THỦ TỤC LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

63. *Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh*

64. *Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh*

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa Trình tự thực hiện, cụ thể: Điều chỉnh *Bước 1* trong “Trình tự thực hiện” của 2 thủ tục hành chính nội bộ nêu trên, cụ thể:

Từ: “*Chủ đầu tư liên hệ Sở Xây dựng để xem hướng dẫn thủ tục. Sau đó, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (theo quy định tại thủ tục này) nộp tại Sở Xây dựng*”

Điều chỉnh thành: “*Chủ đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại bộ thủ tục hành chính nội bộ (được niêm yết trên Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng), nộp tại Sở Xây dựng*”

- Lý do: Danh mục và nội dung thủ tục nội bộ đính kèm Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai được công bố, công khai, niêm yết trên cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng, chủ đầu tư theo đó chuẩn bị các thành phần hồ sơ phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

- *Trách nhiệm rà soát, tham mưu:* Sở Xây dựng.

+ Rà soát, tổng hợp và xây dựng nội dung đề xuất điều chỉnh Bước 1 trong “Trình tự thực hiện” của 2 thủ tục hành chính nội bộ nêu trên, có Tờ trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

+ Thực hiện đăng tải thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc (theo Quyết định 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai) lên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

- *Thẩm quyền quyết định:* Trên cơ sở Tờ trình đề xuất của Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh Bước 1, trong “Trình tự thực hiện” của 2 thủ tục hành chính nội bộ nêu trên tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản:

- Giảm thời gian thực hiện các thủ tục, vẫn đảm bảo đúng quy trình.

- Thông tin công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc chuẩn bị thành phần hồ sơ./.